

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 1395/2024/DS-ST

Ngày: 16/4/2024

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Thiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Phước;

2. Bà Huỳnh Thị Thanh Thảo.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thanh Trí – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Bích – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1806/2023/TLST-DS ngày 06/11/2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1524/2023/QĐXXST-DS ngày 26/3/2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ngân hàng A

Địa chỉ: 266-268 đường N, phường V, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1973; Địa chỉ thường trú: 80/17 Đường D, Phường M, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh – (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

(là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền số: 2535A/2022/GUQ-PL ký ngày 12/10/2022 của Ngân hàng A).

2. **Bị đơn:** Bà Hoàng Thị Thùy T, sinh năm 1989 – (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: 102/34 đường H, Phường F, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh;

Nơi cư trú: Căn hộ chung cư 06.20 Tòa S503, khu đô thị V, phường L, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

(1) Nội dung nguyên đơn khởi kiện cho rằng: Ngày 12/6/2019, bà T có ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 274.794.574 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 269.210.612 đồng, trong đó bao gồm các khoản tiền phí, lãi, lãi phạt, số dư nợ gốc bà T còn nợ là 34.090.971 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 20, Điều 21, Điều 22 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng có hiệu lực ngày 04/01/2018), ngày 23/08/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà T (cụ thể Thẻ tín dụng quốc tế MC Contactless Cre Gold - Card No.526830-1303) và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 26 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Mặc dù Ngân hàng thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp để yêu cầu bà T có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để bà T trả nợ. Tuy nhiên, bà T vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký. Tính đến ngày 16/4/2024, bà T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 61.288.625 đồng, trong đó: Nợ gốc: 34.090.971 đồng; Lãi quá hạn: 27.195.654 đồng. Do vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Hoàng Thị Thùy T phải có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ trên và phải tiếp tục có nghĩa vụ trả tiền lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 17/4/2024 cho đến khi bà T thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất được quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký.

(2) Tại bản tự khai ngày 29/02/2024, bị đơn bà Hoàng Thị Thùy T đã thừa nhận toàn bộ nội dung khởi kiện của nguyên đơn, xác nhận số tiền đã vay, số tiền đã trả và số tiền còn nợ đúng như nguyên đơn trình bày tại đơn khởi kiện. Nguyên nhân bà T chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ là do công việc không ổn định, đang thất nghiệp mất khả năng thanh toán một lần theo yêu cầu trả nợ của nguyên đơn. Do vậy, bà Hoàng Thị Thùy T đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và đề nghị sẽ trả dần mỗi tháng từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Đồng thời, bà T yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ kiện.

(3) Tại phiên tòa sơ thẩm: Bị đơn bà Hoàng Thị Thùy T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vắng mặt tại phiên tòa. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Minh Thắng có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trên.

(4) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa

đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử và đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn và Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị Tòa án tiến hành phiên tòa theo thủ tục chung, xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Về nội dung vụ án: yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Giữa Ngân hàng A với bà Hoàng Thị Thùy T phát sinh quan hệ tranh chấp từ hợp đồng tín dụng thuộc trường hợp được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại thời điểm tòa án thụ lý giải quyết vụ kiện bà Hoàng Thị Thùy T có đăng ký tạm trú trên địa bàn thành phố Thủ Đức và thực tế đang cư trú tại địa chỉ: Căn hộ chung cư 06.20 Tòa S503, khu đô thị Vinhomes Grand Park, phường Long Thạnh Mỹ, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn bà Hoàng Thị Thùy T và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Xét thấy, Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 12/6/2019 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) giữa bà Hoàng Thị Thùy T với Ngân hàng A là hoàn toàn tự nguyện, được lập bằng văn bản có chữ ký của các bên, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại các điều 91 và 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, nên đã phát sinh quyền và nghĩa vụ pháp lý ràng buộc trách nhiệm buộc các bên phải thực hiện. Căn cứ Hợp đồng đã giao kết giữa các bên, sự thừa nhận và không phản đối của các bên đương sự, áp dụng quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, có cơ sở xác định, bà Hoàng Thị Thùy T được Ngân hàng A cấp Thẻ tín dụng quốc tế MC Contactless Cre Gold - Card No.526830-1303 với hạn mức tín dụng 30.000.000 đồng mục đích sử dụng là tiêu dùng cá nhân. Trong quá trình sử dụng thẻ, bà Hoàng Thị Thùy T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 274.794.574 đồng, đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 269.210.612 đồng, trong đó bao gồm các khoản tiền phí, lãi, lãi phạt, số dư nợ gốc bà T còn nợ là 34.090.971 đồng. Căn cứ theo thỏa thuận giữa các bên tại Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của

Ngân hàng, ngày 23/8/2022 Ngân hàng A đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng và chuyển toàn bộ dư nợ gốc sang nợ quá hạn.

Xét thấy, Ngân hàng A đã chuyển khoản nợ của các thẻ tín dụng đã cấp cho bà Hoàng Thị Thùy T sang nợ quá hạn, đồng thời chấm dứt việc sử dụng thẻ và thu hồi toàn bộ nợ thẻ chưa thanh toán là phù hợp với thỏa thuận giữa các bên theo Hợp đồng và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức Tín Dụng năm 2010. Tính đến ngày Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ kiện (ngày 16/4/2024), bà T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 61.288.625 đồng, trong đó: Nợ gốc: 34.090.971 đồng; Lãi quá hạn: 27.195.654 đồng. Xét thấy, bị đơn bà Hoàng Thị Thùy T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn là vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của bên vay, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của bên cho vay là Ngân hàng A. Do vậy, yêu cầu khởi kiện trên của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Xét thấy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải tiếp tục chịu trách nhiệm trả tiền lãi quá hạn phát sinh từ ngày tiếp theo ngày Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ kiện (ngày 17/4/2024) cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ là phù hợp với thỏa thuận giữa các bên trong các hợp đồng tín dụng đã ký, phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức Tín Dụng năm 2010, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Hoàng Thị Thùy T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 186, Điều 227, Điều 228, Điều 233, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 273, Điều 280, Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 91, 95, 96 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ các Điều 357, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Buộc bà Hoàng Thị Thùy T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng A tổng số tiền còn nợ là 61.288.625 đồng, trong đó bao gồm tiền nợ gốc: 34.090.971 đồng và nợ lãi quá hạn là 27.195.654 đồng.

- Kể từ ngày 17/4/2024, bà Hoàng Thị Thùy T còn phải tiếp tục thanh toán các khoản tiền lãi quá hạn phát sinh tương ứng với số dư nợ gốc chưa thanh toán của khoản vay, theo mức lãi suất quá hạn mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 12/6/2019 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), cho đến khi bà Hoàng Thị Thùy T thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng A.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm 3.064.431 đồng, buộc bà Hoàng Thị Thùy T phải nộp theo quy định.

Trả lại cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí 992.459 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2022/0002582 ngày 17/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND. TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Văn Thiên